

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 12/2022/DS- ST

Ngày: 04-5-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Tài**.

- Bà **Trần Thị Quế**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**– Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn P** , sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 230 E, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Hữu L** , Sinh năm 1971

HKTT: Ấp Mỹ Thới, thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: 164/24, đường Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1967, ông **Phạm Văn H** , sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

Công ty trách nhiệm hữu hạn nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam

Địa chỉ: số 01, đường Pasteur, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam: Ông **Phạm Văn H** - chức vụ: Giám đốc Công ty (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Phạm Văn H** và bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**: Ông **Nguyễn Huy Tài**, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư **Nguyễn Huy Tài**- Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: số 79, Nguyễn Văn Trỗi, phường 2, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Hoài Đức**, sinh năm 1989.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2020 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Vào tháng 4/2019 bà Nguyễn Thị Tuyết Nh gợi ý với ông Đỗ Văn P mua cà phê sau đó ký gửi tại kho của bà Nh tại Thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, khi nào cà phê tăng giá bà Nh bán và chuyển tiền lại cho ông P , do làm ăn và tin tưởng bà Nh nên ông P đồng ý mua 50 tấn cà phê nhân xô với giá 32.000 đồng/kg, đến ngày 25/4/2019 ông P chuyển vào tài khoản của bà Nh (số tài khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 03/5/2019 ông P đến nhà bà Nh tại thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng để xem 50 tấn cà phê nhân đã ký gửi tại kho cà phê. Tại thời điểm đó, ông P chỉ nhìn thấy cà phê nhân được đóng trong bao xếp trong kho chứ không kiểm đếm số lượng và kiểm tra chất lượng có phải cà phê hay không. Ngày 04/5/2019 tại nhà bà Nh ông H thuộc thôn 6, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng hai bên ký hợp đồng. Bà Nh đã chuẩn bị sẵn bản hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ghi ngày 25/4/2019, nội dung là ông P có gửi Công ty TNHH Nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam, người đại diện là ông Phạm Văn H chồng bà Nh, trụ sở Công ty tại số 01- đường Pastuer, phường 4, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng số lượng cà phê là 50 tấn cà phê nhân xô, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1,5 %, đen vỡ 0,5%, lúc này ông P có thắc mắc tại sao lại ghi hợp đồng lùi ngày và ký hợp đồng với Công ty chồng bà Nh thì bà Nh giải thích làm như vậy sẽ thuận lợi cho công việc hơn nên ông P đã đồng ý kí hợp đồng trên. Sau khi ký xong hợp đồng thì ông P và bà Nh đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Bảo Lộc chuyển vào số tài khoản của bà Nh (Số tài khoản 106000588643) số tiền 1.399.994.500 đồng.

Đến ngày 01/11/2019 do thấy giá cà phê lên 32.500 đồng/kg nên ông P đã gọi điện thoại yêu cầu bà Nh bán toàn bộ số cà phê nhân còn lại là 43.474 kg (Trước đó ông P đã lấy 6.526 kg cà phê nhân do bà Nh giao về Đồng Tháp hoặc do ông P tự lên lấy) chốt thành tiền là 1.412.000.000 đồng, sau khi bán thì bà Nh mới trả cho ông P số tiền 312.000.000 đồng, còn nợ lại 1.100.000.000 đồng.

Ông P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Nh ông H trả số tiền còn thiếu trên nhưng bà Nh ông H không trả. Do vậy ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và ông Phạm Văn H trả cho ông P số tiền 1.100.000.000 đồng + lãi suất P sinh là 1%/ tháng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đến ngày 21/8/2020 ông P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam liên đới trả cho ông P số tiền 1.100.000.000 đồng + lãi suất P sinh là 1%/ tháng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ý kiến ông H : Ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam, hiện nay Công ty vẫn đang hoạt động bình thường. Giữa Công ty và ông Đỗ Văn P kí hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày

25/4/2019 nhưng kí hợp đồng theo yêu cầu của ông P để làm thủ tục thuế chứ không thực hiện hợp đồng như nội dung đã thỏa thuận, ông P hoàn toàn không gửi bất cứ khoản tiền nào vào tài khoản cá nhân ông H cũng như tài khoản của Công ty. Hợp đồng ngày 25/4/2019 được kí kết tại trụ sở công ty TNHH Nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam số 01, đường Pastuer, phường 4, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng. Tuy nhiên đây là việc mua bán giữa ông P và bà Nh, không liên quan gì đến ông H cũng như Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam.

Ý kiến bà Nh: Bà và ông P có quan hệ kinh doanh mua bán cà phê từ lâu, hai bên thường giao dịch mua bán qua điện thoại bằng hình thức bà chuyển cà phê về cho ông P thông qua các nhà xe, sau khi nhận cà phê ông P chuyển tiền cho bà thông qua tài khoản Ngân hàng, từ năm 2018 đến năm 2019 bà đã chuyển cà phê cho ông P quy ra tiền là 2.280.635.000 đồng, ông P đã chuyển tiền cho bà thông qua tài khoản tại Ngân hàng Viettinbank số tiền 2.592.644.000 đồng, số tiền 312.009.000 đồng còn thiếu do bà bị bệnh chưa thanh toán cho ông P được, đến tháng 11/2019 con trai bà là Phạm Hoài Đức đã chuyển cho ông P 312.000.000 đồng nên bà Nh không còn nợ ông P số tiền nào nữa. Hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam là hợp đồng giả tạo được kí theo yêu cầu của ông P để ông P mang về Đồng Tháp làm việc với cơ quan Thuế, do vậy bà Nh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết Nh: Giữa ông P và bà Nh có việc mua bán cà phê từ năm 2018 đến năm 2019. Hai bên thỏa thuận khi nào bà Nh giao cà phê về tp. HCM hoặc Đồng Tháp cho ông P thì ông P thực hiện việc chuyển tiền. Từ năm 2018 đến năm 2019 ông P chuyển cho bà Nh số tiền 2.592.644.000 đồng thì bà Nh cũng đã chuyển hàng là cà phê cho ông P tương đương số tiền là 2.280.635.000 đồng, còn nợ lại số tiền 312.000.000 đồng đến ngày 07/11/2019 con trai của bà Nh là anh Phạm Hoài Đức đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng nên bà Nh không còn nợ ông P số tiền nào nữa. Đối với hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam là hợp đồng giả tạo được kí theo yêu cầu của ông P để đối phó với cơ quan Thuế.

Đối với 02 chứng từ ủy nhiệm chi ngày 25/4/2019 và ngày 04/5/2019 số tiền ông P chuyển đến tài khoản của bà Nh là 1.599.994.500 đồng, bà Nh đã nhận, và số tiền này nằm trong việc mua bán diễn ra giữa hai bên.

Ý kiến anh Phạm Hoài Đức: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh là mẹ đẻ của anh và có nhờ anh chuyển tiền thanh toán dứt điểm số tiền mua bán còn lại cho ông P nên ngày 07/11/2019 anh đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng. Nội dung trả nợ tiền cà phê cô Nh thanh toán xong, bằng hai giấy ủy nhiệm chi 212.000.000 đồng và 100.000.000 đồng, toàn bộ số tiền chuyển cho ông P là của mẹ anh, anh chỉ là người chuyển dùm. Anh hoàn toàn thống nhất với quan điểm của mẹ anh và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam liên đới trả cho ông P số tiền 1.100.000.000 đồng gốc và 275.000.000

đồng tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 01/11/2019 cho đến nay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông H bà Nh vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và P biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Văn P** về việc “ Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng.

Về lãi suất đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nh phải trả lãi suất cho ông P là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 01/11/2019 cho đến ngày xét xử.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nh phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, ông Phạm Văn H , anh Phạm Hoài Đức và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Theo hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam thể hiện bên gửi tài sản là ông Đỗ Văn P bên giữ tài sản là Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam, đối tượng gửi giữ là cà phê nhân xô Ro bus ta, số lượng cà phê là 50 tấn cà phê nhân xô, độ ẩm 15 độ, tạp chất 1,5 %, đen vỡ 0,5%, giá cà phê nhân xô hiện tại là 32.000đồng/kg, tổng số tiền hàng hóa 1.600.000.000 đồng, đặt cọc trước 200.000.000 đồng chuyển khoản tại Ngân hàng. Thanh toán số tiền còn lại 1.400.000.000 đồng vào ngày 02/5/2019 chuyển khoản tại Ngân hàng. Hợp đồng còn quy định quyền và nghĩa vụ của các bên và hình thức giải quyết tranh chấp cùng những lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ do các bên xuất trình, thì hợp đồng thỏa thuận ký gửi cà phê ngày 25/4/2019 giữa ông Đỗ Văn P và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam không có giá trị pháp lý giữa các bên vì việc giao dịch mua bán cà phê cũng như việc chuyển tiền đều qua tài khoản của bà Nh không qua tài khoản của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam, việc ký hợp đồng không đúng ngày như các bên thỏa thuận, hiện nay ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam không thừa nhận giữa ông P với Công ty có quan hệ giao dịch mua

bán với nhau đây là việc mua bán giữa ông P và bà Nh, do vậy có cơ sở khẳng định việc mua bán cà phê là giữa ông P với bà Nh không liên quan tới Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam.

[3] Theo giấy ủy nhiệm chi ngày 25/4/ 2019 thể hiện ông P chuyển vào tài khoản của bà Nh (số tài khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 200.000.000 đồng, nội dung Đỗ Văn P CT và theo giấy ủy nhiệm chi ngày 04/5/2019 nội dung ông P chuyển vào tài khoản của bà Nh (số tài khoản 106000588643 Ngân hàng Viettin Bank Chi nhánh Bảo Lộc) số tiền 1.399.994.500 đồng, nội dung Đỗ Văn P CT mua cà phê theo HĐ, căn cứ vào các giấy ủy nhiệm chi trên chứng tỏ rằng ông P có chuyển cho bà Nh tổng số tiền 1.599.994.500 đồng, số tiền này cũng được bà Nh thừa nhận nhưng bà Nh cho rằng đã giao cà phê cho ông P chỉ còn nợ lại 312.009.000 đồng, đến tháng 11/2019 con trai bà Phạm Hoài Đức đã chuyển cho ông P số tiền 312.000.000 đồng nên bà Nh không còn nợ ông P. Lời trình bày trên của bà Nh là không có cơ sở chấp nhận vì bà Nh không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh ông H cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm các phiếu xuất kho thể hiện người nhận hàng là ông Đỗ Văn P thông qua các chủ xe 49 C 11882 được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 17/4/2019 (Xe Mai nhận 50 bao), được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 17/4/2019 (Xe Mai nhận 113 bao), chủ xe 49 C 05515 được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 10/10/2019 (Xe Mai nhận 10 bao), được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 10/10/2019 (Xe Mai nhận 90 bao), chủ xe 49 C 14160, 49 C 15180 được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 17/12/2018 (Xe Chui Phú nhận đủ), chủ xe 66 C 04745 được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 29/7/2018 (Phạm Công Danh) được thể hiện tại phiếu xuất kho ngày 28/01/2018 (Phạm Công Danh), Tòa án đã yêu cầu bà Nh ông H cung cấp địa chỉ của các chủ xe trên và Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ tuy nhiên các chủ xe trên không đồng ý cung cấp thông tin và không có mặt tại địa phương có chủ xe thừa nhận có nhận chở hàng cho bà Nh nhưng người nhận hàng không phải là ông P, do không có chữ ký của người nhận hàng nên không có căn cứ bà Nh đã giao cho ông P số lượng cà phê như bà Nh trình bày. Ông P thừa nhận đã nhận của bà Nh 6.526 kg cà phê nhân số cà phê còn lại chốt thành tiền là 1.412.000.000 đồng. Sau đó thì bà Nh trả cho ông P số tiền 312.000.000 đồng, còn nợ lại 1.100.000.000 đồng chưa trả. Do vậy áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, ông Phạm Văn H và Công ty TNHH nông sản sạch xuất nhập khẩu Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng.

[4] Khi chốt thành tiền ông P không có chứng cứ để chứng minh thời hạn trả tiền và thời gian chịu lãi do chậm trả tiền nên yêu cầu tính lãi của ông P chỉ có cơ sở chấp nhận từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 05/5/2020 đến ngày xét xử 04/5/2022 là 23 tháng 29 ngày x 1.100.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 218.815.666 đồng.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà Nh phải trả cho ông P 1.318.815.666 đồng gồm cả gốc và lãi nên bà Nh phải nộp 51.564.469 đồng án phí DSST (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Ông P bị bác 56.184.334 đồng tiền lãi nên phải nộp 2.809.216 đồng án phí DSST (56.184.334 đồng x 5% = 2.809.216 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Văn P** về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” với bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, ông **Phạm văn H** và **Công ty TNHH nông sản sạch xuất khẩu Việt Nam**.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Văn P 1.318.815.666 (Một tỷ ba trăm mười tám triệu tám trăm mười lăm ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng tiền gốc và 218.815.666 (Hai trăm mười tám triệu tám trăm mười lăm ngàn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng tiền lãi.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2/**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Nh phải nộp 51.564.469 đồng án phí DSST.

Buộc ông Đỗ Văn P phải nộp 2.809.216 đồng án phí DSST. Được trừ vào số tiền 22.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019619 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho ông P 19.690.784 đồng tiền tạm ứng án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tài Trần Thị Quế

Nguyễn Đình Phong

